



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 714 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hoà (giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định vùng thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Căn cứ Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Phương án số 02/PA-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND

tình về bố trí, ổn định dân cư khẩn cấp vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Văn bản số 20/SXD-HTKTTĐ ngày 10/02/2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hoà (giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 89/TTr-SXD ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Văn bản số 193/BQL-KTTĐ ngày 24/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hoà (giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư vùng thiên tai thôn Trà Cong, xã An Hoà (giai đoạn 2) thuộc các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

2. Địa điểm xây dựng: Xã An Hoà, tỉnh Gia Lai.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT tỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

a) Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Môi trường Nam Phương.

b) Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn Hội Cầu Đường.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Nhóm C; Hạ tầng kỹ thuật cấp III; 50 năm.

7. Mục tiêu dự án: Dự án nhằm mục tiêu đầu tư xây dựng khu dân cư mới tập trung để bố trí chỗ ở ổn định cho các hộ dân sống trong vùng thiên tai xã An Hoà phải di dời khẩn cấp do ảnh hưởng thiên tai do bão và lũ lụt gây ra.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Hạng mục san nền:

- Diện tích đất san nền khoảng 7,27ha. Cao độ san nền theo cao độ khống chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Chiều cao đắp trung bình khoảng 3,62m.

- Vật liệu san nền bằng đất đồi, đầm chặt K90; được khai thác tại Mỏ Ân Hảo thuộc xã Ân Hảo, tỉnh Gia Lai, cách chân công trình 12,8km.

b) Hạng mục đường giao thông:

- Đầu tư xây dựng 07 tuyến đường giao thông nội bộ theo quy hoạch được duyệt có lộ giới 9,0m – 16m, với tổng chiều dài khoảng 1.661,37m; tốc độ thiết kế $V_{tk}=30\text{km/h}$; tải trọng trục tính toán $P=10$ tấn/trục; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $i_{vh}=1\%$.

TT	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang đường (m)	Chiều dài (m)
1	ĐƯỜNG N1	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	50,92
2	ĐƯỜNG N2	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	75,00
		$B_n = 1,5\text{m}(\text{Bvh}) + 6,0\text{m}(\text{Bm}) + 1,5\text{m}(\text{Bvh}) = 9,0\text{m}$	101,00
3	ĐƯỜNG N3	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	176,00
4	ĐƯỜNG N4	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	176,00
5	ĐƯỜNG D1	$B_n = 4,0\text{m}(\text{Bvh}) + 8,0\text{m}(\text{Bm}) + 4,0\text{m}(\text{Bvh}) = 16,0\text{m}$	475,93
6	ĐƯỜNG D2	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	353,74
7	ĐƯỜNG D3	$B_n = 3,5\text{m}(\text{Bvh}) + 7,0\text{m}(\text{Bm}) + 3,5\text{m}(\text{Bvh}) = 14,0\text{m}$	252,78
Tổng			1.661,37

- Đầu tư xây dựng đường kết nối với khu dân cư hiện trạng với chiều dài $L=63\text{m}$, bề rộng mặt đường $B=3\text{m}$.

* Mặt đường giao thông: bằng BTXM B22,5 (M300) đá 2x4 dày 20cm.

* Kết cấu bó vỉa, vỉa hè:

- Bó vỉa bằng bê tông B20 (M250) đá 1x2.

- Vỉa hè bằng gạch Terrazzo KT: (40x40x5)cm.

* Công viên, Cây xanh: Xây dựng các hố trồng cây xanh dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông nội bộ, vị trí nằm giữa 02 lô đất. Hố trồng cây bằng ống buy D100cm, chiều sâu 0,6m; cây xanh vỉa hè trồng cây Lim xẹt hoặc các

loại cây phù hợp với địa phương. Khu vực CVCX1, trồng cây Móng bò hoặc các loại cây phù hợp với địa phương.

* Bãi đỗ xe: Xây dựng 01 bãi đậu xe với tổng diện tích $577,29\text{m}^2$, có kết cấu mặt tương tự kết cấu mặt đường giao thông.

* Gia cố mái ta luy:

- Xây dựng gia cố mái taluy ranh phía Tây của dự án tiếp giáp phía ruộng lúa, có chiều dài khoảng 476,40m. Kết cấu bằng hệ khung giằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá 1x2, có kích thước (20x30)cm và chân khay có kích thước (40x60)cm; bên trong lát tấm đan bê tông âm dương đúc sẵn có kích thước (45x45)cm dày 10cm, trên lớp đệm đá 2x4 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật.

- Xây dựng gia cố mái ta luy ranh của dự án tiếp giáp khu dân cư hiện trạng, $L=526,65\text{m}$ bằng BTXM M250 dày 15cm trên lớp bạt nhựa lót.

* An toàn giao thông: Xây dựng hệ thống biển báo, sơn kẻ đường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2024/BGTVT.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng các tuyến cống thu gom nước mưa bằng cống tròn BTCT đường kính D600; D800 và D1000 với tổng chiều dài khoảng 1.528,5m để thu gom nước mưa, xả ra mương hình thang giữa khu dự án và dẫn ra suối thoát nước hiện trạng phía Tây dự án.

- Xây dựng hố ga thăm bằng BT đá 1x2 B15 (M200). Các hố trên vỉa hè nắp đan bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250).

- Xây dựng hố thu nước mặt đường bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250), phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng bê tông tính năng cao, tải trọng 12,5T.

- Xây dựng, hoàn trả mương tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng mương BTCT B20(M250) đá 1x2, bxxh=60x80cm, chiều dài khoảng 705,0m.

- Xây dựng tuyến mương thu nước khu dân cư hiện trạng kích thước bxxh=0,7x0,8m, chiều dài khoảng 351,5m có kết cấu bằng BTCT B20 (M250) đá 1x2 có hướng thoát nước từ Bắc vào Nam và xả ra mương hình thang giữa khu dự án.

- Xây dựng tuyến mương thu nước khu dân cư hiện trạng kích thước $B=0,3\text{m}$, chiều dài khoảng 89,94m và $B=0,5\text{m}$, chiều dài khoảng 67,27m có kết cấu bằng BTCT B20(M250) đá 1x2 dẫn về đầu nối với tuyến mương bxxh=0,7x0,8m.

- Xây dựng tuyến mương thoát nước hình thang KT: $(6+17.1)\times 3.7\text{m}$ nằm vị trí giữa đường N2 và đường N3, chiều dài khoảng 162,0m. Gia cố hai bên mái tuyến mương bằng BTXM B20 (M250) dày 15cm trên lớp bạt nhựa lót.

- Xây dựng tuyến mương đất dạng hình thang có kích thước $(6+9)\times 1,0\text{m}$, chiều dài khoảng 136 m.

- Xây dựng mới 03 cống bản hộp dọc theo tuyến mương hình thang KT (6+17.1)x3.7m tại các vị trí qua đường, tổng chiều dài khoảng 42,5m. Thân cống bằng BTCT M350 (B25) đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm và móng cống đặt trên hệ móng cọc tre mật độ 25 cọc/m²; Gia cố tường cánh và mái ta luy sân cống bằng bê tông M200 (B15) đá 1x2; Chân khay bê tông M200 (B15) đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; Lan can cống bằng thép mạ kẽm.

- Xây dựng mới 01 cống bản hộp dọc theo tuyến mương tiêu hình thang KT (6+9)x1.0m tại vị trí qua đường BTXM nội đồng, chiều dài khoảng 3,5m. Kết cấu: Thân cống bằng BTCT M350 (B25) đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm và móng cống đặt trên nền móng đất tự nhiên; Gia cố tường cánh và mái ta luy sân cống bằng bê tông M200 (B15) đá 1x2; Chân khay bê tông M200 (B15) đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

d) Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng tuyến cống thoát nước thải bằng ống nhựa HDPE-PE100, đường kính DN200(D225)-DN300(D315) với tổng chiều dài khoảng 1.671,1m để thu gom nước thải, tự chảy về bể xử lý nước thải của dự án xây dựng ở phía Bắc để xử lý bằng bê tông cốt thép B20 đá 1x2, kích thước D_xR_xC_x = (11,6x4,0x4,5)m. Nước thải sau xử lý xả ra suối hiện trạng.

- Xây dựng hồ ga thăm bằng BTXM đá 1x2 B20 (M250), nắp đan bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250).

- Lắp đặt các hồ ga bằng nhựa uPVC và đường ống uPVC D110-D160 để đầu nối nước thải từ hộ gia đình vào tuyến cống thoát nước.

đ) Hệ thống cấp nước sinh hoạt:

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC với tổng chiều dài khoảng 1.688m (gồm 1.508m HDPE D110mm và 1.538m ống HDPE D63mm).

- Lắp đặt 08 trụ chữa cháy đảm bảo khoảng cách theo quy định và các phụ kiện trên đường ống.

e) Hệ thống cấp điện:

- Xây dựng mới đường dây 0,4kV đi nối cấp nguồn từ TBA TĐC Trà Cong 250kVA (đã đầu tư giai đoạn trước) có tổng chiều dài tuyến khoảng 1.333m.

- Xây dựng mới đường dây chiếu sáng đi nối lấy nguồn từ tủ TBA TĐC Trà Cong 250kVA (đã đầu tư giai đoạn trước) có tổng chiều dài tuyến khoảng 1.604m.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án do đơn vị tư vấn lập, được Sở Xây dựng

thẩm định tại Văn bản số 20/SXD-HTKTTĐ ngày 10/02/2026.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 80.130.706.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ, một trăm ba mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn đồng*).

Trong đó (làm tròn):

- Chi phí giải phóng mặt bằng	: 2.540.200.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	: 62.098.116.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	: 0	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 1.303.289.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 2.646.459.000	đồng;
- Chi phí khác	: 4.847.111.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	: 6.695.531.000	đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước (gồm: vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách tỉnh) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29/11/2025 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định vùng thiên tai; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Đợt 1); Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 về việc phân bổ kinh phí để thực hiện các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Đợt 2).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Nguồn vật liệu sử dụng sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận trên địa bàn tỉnh.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB: Được tổ chức lập và phê duyệt theo quy định hiện hành.

15. Các nội dung khác: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 20/SXD-HTKTTĐ ngày 10/02/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

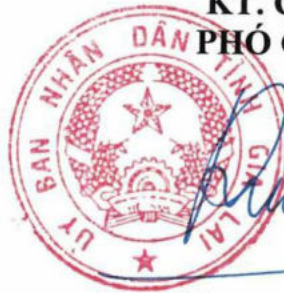
1. Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT tỉnh, Chủ tịch UBND xã An Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, N6 *[Signature]*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp